

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-PT

Ngày 20- 5- 2024

V/v tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Kiên

Bà Bùi Thị Thuý Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2024/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 13/2024/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2024/QĐXXPT ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thùy D; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D1; nơi cư trú: Số A Chợ Đ, phường N, Quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn D1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm của nguyên đơn có nội dung:

Chị **Phạm Thị Thùy D** và anh **Nguyễn Văn D1** đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 71/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Về con chung, Tòa án đã giao cho chị **D** trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là **Nguyễn Hồng A**, sinh ngày 31/5/2005 và **Nguyễn Quỳnh A1**, sinh ngày 28/10/2011, đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh **D1** và chị **D** tự thỏa thuận.

Sau khi ly hôn, chị **D** và anh **D1** đã tự thỏa thuận: Chị **D** cấp dưỡng cho con **Nguyễn Hồng A**, anh **D1** cấp dưỡng cho con **Nguyễn Quỳnh A1**. Tuy nhiên, chị **D** nhiều lần yêu cầu anh **D1** cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận này, nhưng anh **D1** không thực hiện đầy đủ, mặc dù anh **D1** là người có thu nhập cao, ổn định.

Đến nay do chị **D** gặp nhiều khó khăn về kinh tế, nhu cầu sinh hoạt, học tập của các con cần nhiều chi phí, nên chị **D** khởi kiện yêu cầu anh **D1** phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị với số tiền 6.000.000 đồng một tháng cho một con, cho đến khi các con trưởng thành.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D1 trình bày: Sau khi anh **D1** và chị **D** ly hôn, các con ở cùng chị **D** theo đúng quyết định của Tòa án. Giữa anh và chị **D** có thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con như trình bày của chị **D**. Từ đó đến nay, anh **D1** vẫn trực tiếp đóng các khoản học phí cho con **Nguyễn Quỳnh A1** với số tiền khoảng 2.000.000 đồng một tháng. Nay, chị **D** yêu cầu anh đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cả hai con, anh không đồng ý.

Tại phiên tòa, chị **D** rút một phần yêu cầu khởi kiện là buộc anh **D1** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con **Nguyễn Hồng A**. Anh **D1** giữ nguyên quan điểm, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 13/2024/HNGĐ-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ các điều 19, 28, 35, 39, 147, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 107, 110, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Thùy D**.

Buộc anh Nguyễn Văn D1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với con Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 28/10/2011 số tiền là 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng một tháng) kể từ tháng 3/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu của chị Phạm Thị Thùy D về việc buộc anh Nguyễn Văn D1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với con Nguyễn Hồng A, sinh ngày 31/5/2005 là 6.000.000 đồng/tháng (sáu triệu đồng một tháng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/3/2024, bị đơn anh Nguyễn Văn D1 có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 13/2024/HNGĐ-ST. Anh D2 cho rằng mức cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hồng A mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là không hợp lý so với mức thu nhập thực tế và khả năng của anh D2. Sau khi ly hôn, anh D2 đã để lại toàn bộ tài sản gồm nhà và xe ô tô cho chị D. Hiện tại anh phải tạo dựng cuộc sống khi không có bất cứ tài sản gì. Vì vậy, anh D2 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại quyết định của bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Dũng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và quan điểm đã trình bày ở cấp sơ thẩm. Đồng thời anh D2 trình bày bổ sung: Anh Dũng làm việc tại Chi nhánh của Công ty TNHH P với chức vụ quản lý bán hàng khu vực. Anh có ký hợp đồng lao động với Công ty A2 lần/1năm. Hợp đồng lao động hiện tại của anh có thời hạn từ ngày 06/5/2023 đến ngày 05/5/2024. Anh và Công ty chưa ký tiếp hợp đồng nhưng anh vẫn đang làm việc tại Công ty. Mức lương theo hợp đồng là 13.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra còn các khoản trợ cấp nên mức thu nhập hàng tháng của anh D2 khoảng 15.000.000đồng/tháng. Vì vậy, anh chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hồng A từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng một tháng. Hiện tại, anh D2 không phải cấp dưỡng cho bố mẹ. Vì bố mẹ anh đều có lương hưu và đang sống cùng anh trai anh. Anh đã kết hôn với người khác chưa có con chung và sống độc lập về kinh tế.

Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên quan điểm, yêu cầu tại cấp sơ thẩm. Việc anh D2 trình bày để lại toàn bộ tài sản cho chị là không đúng. Vì nhà và xe ô tô đều là tài sản riêng của chị D.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký; các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm đúng quy định. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ, quyết định của bản án sơ thẩm đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình đúng quy định tại khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn hợp lệ, đủ điều kiện xem xét phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Chị **Phạm Thị Thùy D** và anh **Nguyễn Văn D1** đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 71/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Theo Quyết định, chị **D** trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là **Nguyễn Hồng A**, sinh ngày 31/5/2005 và **Nguyễn Quỳnh A1**, sinh ngày 28/10/2011; việc cấp dưỡng nuôi con, anh **D1** và chị **D** tự thỏa thuận. Thực tế, từ sau khi ly hôn đến nay chị **D** là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Nay, chị **D** và anh **D1** không tự thỏa thuận được với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con nên chị **D** có quyền khởi kiện yêu cầu anh **D1** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con **Nguyễn Quỳnh A1** (chưa thành niên) theo Điều 101 và khoản 1 Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Căn cứ bản sao kê tài khoản do anh **D1** cung cấp về số tiền học anh **D1** đã đóng cho cháu **Quỳnh A1**, cho thấy tiền học của cháu **Quỳnh A1** gần 2.000.000 đồng/tháng. Cộng thêm tiền ăn uống sinh hoạt, xác định mức chi phí nuôi dưỡng cháu **Quỳnh A1** mà chị **D** trình bày là 7.400.000 đồng/ tháng là phù hợp, đảm bảo nhu cầu thiết yếu của cháu **Quỳnh A1**.

[2.3] Theo Hợp đồng lao động số 20230650 ngày 06/5/2023 thể hiện lương cơ bản của anh **D1** là 13.000.000 đồng/tháng. Anh **D1** trình bày thu nhập thực tế của anh hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo 06 Bảng lương của Chi nhánh **Công ty TNHH P** (do anh **D1** cung cấp) thể hiện tiền lương thực lĩnh của anh **D1** trong 6 tháng liên tiếp, từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2023 lần lượt là: 16.395.000 đồng, 18.075.000 đồng, 20.127.750 đồng, 24.819.150 đồng, 15.135.000 đồng, 29.248.783 đồng. Như vậy, việc anh **D1** trình bày về mức thu nhập hàng tháng là không chính xác, có căn cứ xác định mức thu nhập trung bình hàng tháng của anh **D1** là 20.633.447 đồng/tháng. Ngoài ra, anh **D1** xác nhận hiện tại anh không phải cấp dưỡng cho ai (bố mẹ đẻ anh đều có lương hưu và đang sống cùng anh trai anh, anh đã kết hôn với người khác chưa có con chung và sống độc lập về kinh tế).

[2.4] Mặc dù cháu **Nguyễn Hồng A** đã thành niên, nhưng vẫn còn đi học tại **Trường Đại học Y**, chưa có thu nhập riêng. Vì vậy, thực tế chị **D** vẫn đang cung cấp kinh tế cho cháu **Hồng A** ăn học, với mức khoảng 11.600.000 đồng/tháng. Bao

gồm: Tiền thuê nhà 2.000.000 đồng/tháng; tiền học phí 3.600.000 đồng/tháng; tiền ăn 4.500.000 đồng/ tháng; tiền điện nước, đi lại, sinh hoạt 1.500.000 đồng.

[2.5] Về việc anh **D1** trình bày đã để lại toàn bộ tài sản cho chị **D** là một trong những căn cứ kháng cáo, không đồng ý mức cấp dưỡng mà Toà án cấp sơ thẩm đã phán quyết. Chị **D** trình bày là tài sản riêng của chị. Xét đây là quan hệ về tài sản giữa anh **D1** và chị **D**. Trường hợp các bên có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn. Đây không phải là căn cứ để Toà án xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng, mức cấp dưỡng của anh **D1** cho cháu **Quỳnh A1**.

[2.6] Từ những phân tích trên, xét mức cấp dưỡng nuôi con **Nguyễn Quỳnh A1** là 5.000.000đồng/tháng mà Toà án cấp sơ thẩm buộc anh **D1** thực hiện là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của cháu **Quỳnh A1** và thu nhập, khả năng thực tế của anh **D1**, đảm bảo việc chia sẻ trách nhiệm nuôi dưỡng con chung với chị **D**, phù hợp với Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 107, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh **Nguyễn Văn D1**. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 13/2024/HNGĐ-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Thùy D**.

Buộc anh **Nguyễn Văn D1** phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung **Nguyễn Quỳnh A1** sinh ngày 28/10/2011 cho chị **Phạm Thị Thùy D**, với số tiền 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng một tháng), kể từ tháng 3/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị **D** có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, anh **D1** còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh **Nguyễn Văn D1** phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005808 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 13/2024/HNGĐ-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND Quận Lê Chân;
- Chi cục THADS Quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Thủy